

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ- ST

Ngày 12/01/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khắc Viện.
2. Ông Nguyễn Danh Long.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07/12/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị N, sinh năm 1993.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức D, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Nga có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Duy vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn T, xã T, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất

đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Tổ P, sinh ngày 18/9/2015. Khi ly hôn do điều kiện hoàn cảnh chị đang phải đi làm ăn xa nhà nên chị nhất trí giao cháu cho anh D nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2020 anh Hoàng Đức D trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị N như chị N trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Tuy nhiên, anh D vẫn xác định còn tình cảm với chị N, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh D xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Tổ P, sinh ngày 18/9/2015. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng Đức D không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2020, ông Hoàng Văn H (bố đẻ của anh Hoàng Đức D) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị N và anh D như chị N trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn do anh chị thường hay cãi vã dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh D hiện nay đang đi làm ăn xa nhà nhưng vẫn đi về thường xuyên. Quan điểm của ông là anh D và chị N mâu thuẫn đã quá lớn vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc giao nuôi con chung, cháu Hoàng Tổ P hiện nay vẫn đang ở cùng anh D và gia đình ông. Ông cho rằng nên giao cháu P cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N, xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Đức D. Giao cháu Hoàng Tổ P, sinh ngày 18/9/2015 cho anh Hoàng Đức D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Giữa các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Đặng Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đặng Thị N và anh Hoàng Đức D đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị N, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị N và anh D xác định: Chị N và anh D kết hôn vào năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn T, xã Th, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa phương chứng kiến việc chị N và anh D có mâu thuẫn với nhau. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, không thể quay về đoàn tụ

được. Việc mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân giữa chị N và anh D cũng được chính người thân gia đình anh D xác nhận. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị N và anh D sinh được 01 con chung là cháu Hoàng Tố P, sinh ngày 18/9/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị N có quan điểm muốn giao cháu P cho anh D nuôi dưỡng, giáo dục.

Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Hoàng Tố P, sinh ngày 18/9/2015 cho anh Hoàng Đức D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh D không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Hoàng Đức D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Đức D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Tố P, sinh ngày 18/9/2015 cho anh Hoàng Đức D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003597 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Đức D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

